

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TML22B2** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MD03115** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Kỹ thuật nguội**
Số tín chỉ: **3**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2255202051926	Dương Thanh Bình	15/08/2007			8	8.0	8.0		8.0		8.0
2	2255202051927	Trần Thành Danh	22/07/2007			7	8.0	8.0		8.0		7.9
3	2255202051928	Huỳnh Quốc Diễm	26/04/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
4	2255202051929	Nguyễn Văn Dương	14/09/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
5	2255202051930	Cao Thành Đạt	20/06/2007			8	7.5	7.5		9.0		8.4
6	2255202051931	Nguyễn Hồng Hậu	16/03/2005			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
7	2255202051932	Lý Văn Hiếu	28/06/2006			8	7.5	8.0		8.0		7.9
8	2255202051933	Nguyễn Văn Hiếu	08/02/2007			7	6.5	7.0		6.5		6.6
9	2255202051934	Dương Quang Hóa	27/08/2007			9	8.0	8.5		8.0		8.2
10	2255202051935	Cao Tấn Hoàng	20/02/2004			9	9.0	9.0		9.0		9.0
11	2255202051936	Lữ Thiện Hưng	23/02/2007			9	7.5	7.5		9.0		8.5
12	2255202051937	Trần Đỗ Hoàng Huy	18/02/2007			8	7.0	7.5		6.5		6.9
13	2255202051938	Trần Tấn Kha	20/11/2007			8	7.5	8.5		9.0		8.6
14	2255202051939	Phạm Đăng Khoa	28/02/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
15	2255202051940	Trần Văn Lành	23/05/1993			9	9.5	9.5		9.5		9.5
16	2255202051941	Phạm Phước Linh	04/04/2007			8	7.5	7.5		0.0		3.0
17	2255202051942	Nguyễn Hữu Lợi	07/02/2007			9	9.0	9.0		9.0		9.0
18	2255202051943	Nguyễn Minh Mẫn	05/06/2007			7	7.0	6.0		0.0		2.6
19	2255202051944	Trịnh Hoàng Nghiêm	09/06/2007			9	8.5	8.5		8.5		8.5
20	2255202051945	Lê Thiện Nhân	10/10/2007			8	7.0	8.0		7.5		7.5
21	2255202051946	Hồ Lê Nhựt Thành	11/05/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 21 tháng 11 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Bá Tòng